CỤC THADS TỈNH BẾN TRE

BẢNG KIỂM KÊ BIÊN LAI CẦN HỦY

Biên lai thu tạm ứng án phí

STT	Đơn vị	Tên Biên Lai	Mẫu số-Ký hiệu	Quyển số	từ số	đến số	số lượng liên	Ghi chú
1	Thạnh Phú	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2016	105	0005248	0005250	3	thu hồi huyện
2	TP Bến Tre	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2016	110	0005459	0005500	42	thu hồi huyện
3	Chợ Lách	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	175	0008729	0008750	22	thu hồi huyện
4	Châu Thành	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	161	0008039	0008050	12	thu hồi huyện
5	MCN	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	143	0007140	0007150	11	thu hồi huyện
6	Cục THA	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	148	0007361	0007400	40	thu hồi huyện
7	Ba Tri	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	156	0007752	0007800	49	thu hồi huyện
8	Giồng Trôm	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	171	0008543	0008550	8	thu hồi huyện
9	MCB	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	152	0007565	0007600	36	thu hồi huyện
10	Thạnh Phú	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2016	106	0005251	0005300	50	thu hồi huyện
11	Ba Tri	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	157	0007801	0007850	50	thu hồi huyện
12	Châu Thành	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	162	0008051	0008100	50	thu hồi huyện
13	Châu Thành	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	163-164	0008101	0008200	100	thu hồi huyện
14	MCN	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	165-169	0008201	0008450	250	thu hồi huyện
15	Châu Thành	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	172-174	0008551	0008700	150	thu hồi huyện
16	Chợ Lách	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	176	0008751	0008800	50	thu hồi huyện
17	Thạnh Phú	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	177-179	0008801	0008950	150	thu hồi huyện
18	Thạnh Phú	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	180-181	0008951	0009050	100	thu hồi huyện
19	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	182	9051	9100	50	
20	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	183	9101	9150	50	
21	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	184	9151	9200	50	
22	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	185	9201	9250	50	
23	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	186	9251	9300	50	
24	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	187	9301	9350	50	
25	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	188	9351	9400	50	
26	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	189	9401	9450	50	
27	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	190	9451	9500	50	
28	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	191	9501	9550	50	
29	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	192	9551	9600	50	
30	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	193	9601	9650	50	
31	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	194	9651	9700	50	
32	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	195	9701	9750	50	
33	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	196	9751	9800	50	
34	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	197	9801	9850	50	
35	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	198	9851	9900	50	
36	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	199	9901	9950	50	
37	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	200	9951	10000	50	
38	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	201	10001	10050	50	
39	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	202	10051	10100	50	
40	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	203	10101	10150	50	
41	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	204	10151	10200	50	
42	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	205	10201	10250	50	
43	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	206	10251	10300	50	
44	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	207	10301	10350	50	
45	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	208	10351	10400	50	
46	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	209	10401	10450	50	
47	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	210	10451	10500	50	
48	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	211	10501	10550	50	
49	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	212	10551	10600	50	

50	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	213	10601	10650	50	
51	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	214	10651	10700	50	
52	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	215	10701	10750	50	
53	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	216	10751	10800	50	
54	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	217	10801	10850	50	
55	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	218	10851	10900	50	
56	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	219	10901	10950	50	
57	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	220	10951	11000	50	
58	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	221	11001	11050	50	
59	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	222	11051	11100	50	
60	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	223	11101	11150	50	
61	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	224	11151	11200	50	
62	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	225	11201	11250	50	
63	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	226	11251	11300	50	
64	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	227	11301	11350	50	
65	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	228	11351	11400	50	
66	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	229	11401	11450	50	
67	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	230	11451	11500	50	
68	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	231	11501	11550	50	
69	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	232	11551	11600	50	
70	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	233	11601	11650	50	
71	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	234	11651	11700	50	
72	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	235	11701	11750	50	
73	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	236	11751	11800	50	
74	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	237	11801	11850	50	
75	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	238	11851	11900	50	
76	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	239	11901	11950	50	
77	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	240	11951	12000	50	
78	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	241	12001	12050	50	
79	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	242	12051	12100	50	
80	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	243	12101	12150	50	
81	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	244	12151	12200	50	
82	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	245	12201	12250	50	
83	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	246	12251	12300	50	
84	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	247	12301	12350	50	
85	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	248	12351	12400	50	
86	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	249	12401	12450	50	
87	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	250	12451	12500	50	
88	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	251	12501	12550	50	
89	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	252	12551	12600	50	
90	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	253	12601	12650	50	
91	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	254	12651	12700	50	
92	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	255	12701	12750	50	
93	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	256	12751	12800	50	
94	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	257	12801	12850	50	
95	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	258	12851	12900	50	
96	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	259	12901	12950	50	
97	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	260	12951	13000	50	
98	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	261	13001	13050	50	
99	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	262	13051	13100	50	
100	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	263	13101	13150	50	
101	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	264	13151	13200	50	
102	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	265	13201	13250	50	
103	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	266	13251	13300	50	
104	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	267	13301	13350	50	
105	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	268	13351	13400	50	
106	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	269	13401	13450	50	
107	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	270	13451	13500	50	
108	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	271	13501	13550	50	

109	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	272	13551	13600	50	
110	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	273	13601	13650	50	
111	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	274	13651	13700	50	
112	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	275	13701	13750	50	
113	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	276	13751	13800	50	
114	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	277	13801	13850	50	
115	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	278	13851	13900	50	
116	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	279	13901	13950	50	
117	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	280	13951	14000	50	
118	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	281	14001	14050	50	
119	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	282	14051	14100	50	
120	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	283	14101	14150	50	
121	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	284	14151	14200	50	
122	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	285	14201	14250	50	
123	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	286	14251	14300	50	
124	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	287	14301	14350	50	
125	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	288	14351	14400	50	
126	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	289	14401	14450	50	
127	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	290	14451	14500	50	
128	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	291	14501	14550	50	
129	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	292	14551	14600	50	
130	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	293	14601	14650	50	
131	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	294	14651	14700	50	
132	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	295	14701	14750	50	
133	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	296	14751	14800	50	
134	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	297	14801	14850	50	
135	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	298	14851	14900	50	
136	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	299	14901	14950	50	
137	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	300	14951	15000	50	
138	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	301	15001	15050	50	
139	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	302	15051	15100	50	
140	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	303	15101	15150	50	
141	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	304	15151	15200	50	
142	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	305	15201	15250	50	
143	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	306	15251	15300	50	
144	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	307	15301	15350	50	
145	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	308	15351	15400	50	
146	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	309	15401	15450	50	
147	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	310	15451	15500	50	
148	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	311	15501	15550	50	
149	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	312	15551	15600	50	
150	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	313	15601	15650	50	
151	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	314	15651	15700	50	
152	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	315	15701	15750	50	
153	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	316	15751	15800	50	
154	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	317	15801	15850	50	
155	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	318	15851	15900	50	
156	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	319	15901	15950	50	
157	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	320	15951	16000	50	
158	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	321	16001	16050	50	
159	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2019	322	16051	16100	50	
160	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	1	1	50	50	
161	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	2	51	100	50	
162	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	3	101	150	50	
163	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	4	151	200	50	
164	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	5	201	250	50	
165	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	6	251	300	50	
166	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	7	301	350	50	
167	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	8	351	400	50	

168	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	9	401	450	50	
169	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	10	451	500	50	
170	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	11	501	550	50	
171	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	12	551	600	50	
172	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	13	601	650	50	
173	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	14	651	700	50	
174	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	15	701	750	50	
175	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	16	751	800	50	
176	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	17	801	850	50	
177	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	18	851	900	50	
178	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	19	901	950	50	
179	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	20	951	1000	50	
180	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	21	1001	1050	50	
181	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	22	1051	1100	50	
182	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	23	1101	1150	50	
183	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	24	1151	1200	50	
184	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	25	1201	1250	50	
185	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	26	1251	1300	50	
186	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	27	1301	1350	50	
187	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	28	1351	1400	50	
188	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	29	1401	1450	50	
189	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	30	1451	1500	50	
190	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	31	1501	1550	50	
191	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	32	1551	1600	50	
192	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	33	1601	1650	50	
193	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	34	1651	1700	50	
194	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	35	1701	1750	50	
195	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	36	1751	1800	50	
196	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	37	1801	1850	50	
197	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	38	1851	1900	50	
198	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	39	1901	1950	50	
199	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	40	1951	2000	50	
200	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	41	2001	2050	50	
201	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	42	2051	2100	50	
202	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	43	2101	2150	50	
203	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	44	2151	2200	50	
204	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	45	2201	2250	50	
205	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	46	2251	2300	50	
206	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	47	2301	2350	50	
207	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	48	2351	2400	50	
208	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	49	2401	2450	50	
209	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	50	2451	2500	50	
210	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	51	2501	2550	50	
211	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	52	2551	2600	50	
212	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	53	2601	2650	50	
213	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	54	2651	2700	50	
214	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	55	2701	2750	50	
215	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	56	2751	2800	50	
216	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	57	2801	2850	50	
217	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	58	2851	2900	50	
218	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	59	2901	2950	50	
219	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	60	2951	3000	50	
220	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	61	3001	3050	50	
221	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	62	3051	3100	50	
222	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	63	3101	3150	50	
223	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	64	3151	3200	50	
224	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	65	3201	3250	50	
225	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	66	3251	3300	50	
226	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	67	3301	3350	50	

227	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	68	3351	3400	50	
228	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	69	3401	3450	50	
229	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	70	3451	3500	50	
230	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	71	3501	3550	50	
231	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	72	3551	3600	50	
232	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	73	3601	3650	50	
233	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	74	3651	3700	50	
234	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	75	3701	3750	50	
235	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	76	3751	3800	50	
236	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	77	3801	3850	50	
237	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	78	3851	3900	50	
238	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	79	3901	3950	50	
239	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	80	3951	4000	50	
240	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	81	4001	4050	50	
241	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	82	4051	4100	50	
242	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	83	4101	4150	50	
243	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	84	4151	4200	50	
244	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	85	4201	4250	50	
245	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	86	4251	4300	50	
246	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	87	4301	4350	50	
247	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	88	4351	4400	50	
248	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	89	4401	4450	50	
249	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	90	4451	4500	50	
250	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	91	4501	4550	50	
251	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	92	4551	4600	50	
252	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	93	4601	4650	50	
253	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	94	4651	4700	50	
254	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	95	4701	4750	50	
255	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	96	4751	4800	50	
256	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	97	4801	4850	50	
257	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	98	4851	4900	50	
258	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	99	4901	4950	50	
259	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	100	4951	5000	50	
260	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	101	5001	5050	50	
261	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	102	5051	5100	50	
262	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	103	5101	5150	50	
263	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	104	5151	5200	50	
264	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	105	501	5250	50	
265	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	106	5251	5300	50	
266	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	107	5301	5350	50	
267	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	108	5351	5400	50	
268	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	109	5401	5450	50	
269	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	110	5451	5500	50	
270	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	111	5501	5550	50	
271	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	112	5551	5600	50	
272	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	113	5601	5650	50	
273	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	114	5651	5700	50	
274	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	115	5701	5750	50	
275	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	116	5751	5800	50	
276	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	117	5801	5850	50	
277	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	118	5851	5900	50	
278	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	119	5901	5950	50	
279	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	120	5951	6000	50	
280	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	121	6001	6050	50	
281	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	122	6051	6100	50	
282	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	123	6101	6150	50	
283	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	124	6151	6200	50	
284	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	125	6201	6250	50	
285	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	126	6251	6300	50	

286	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	127	6301	6350	50	
287	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	128	6351	6400	50	
288	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	129	6401	6450	50	
289	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	130	6451	6500	50	
290	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	131	6501	6550	50	
291	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	132	6551	6600	50	
292	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	133	6601	6650	50	
293	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	134	6651	6700	50	
294	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	135	6701	6750	50	
295	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	136	6751	6800	50	
296	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	137	6801	6850	50	
297	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	138	6851	6900	50	
298	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	139	6901	6950	50	
299	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	140	6951	7000	50	
300	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	141	7001	7050	50	
301	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	142	7051	7100	50	
302	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	143	7101	7150	50	
303	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	144	7151	7200	50	
304	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	145	7201	7250	50	
305	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	146	7251	7300	50	
306	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	147	7301	7350	50	
307	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	148	7351	7400	50	
308	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	149	7401	7450	50	
309	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	150	7451	7500	50	
310	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	151	7501	7550	50	
311	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	152	7551	7600	50	
312	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	153	7601	7650	50	
313	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	154	7651	7700	50	
314	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	155	7701	7750	50	
315	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	156	7751	7800	50	
316	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	157	7801	7850	50	
317	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	158	7851	7900	50	
318	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	159	7901	7950	50	
319	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	160	7951	8000	50	
320	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	161	8001	8050	50	
321	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	162	8051	8100	50	
322	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	163	8101	8150	50	
323	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	164	8151	8200	50	
324	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	165	8201	8250	50	
325	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	166	8251	8300	50	
326	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	167	8301	8350	50	
327	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	168	8351	8400	50	
328	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	169	8401	8450	50	
329	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	170	8451	8500	50	
330	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	171	8501	8550	50	
331	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	172	8551	8600	50	
332	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	173	8601	8650	50	
333	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	174	8651	8700	50	
334	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	175	8701	8750	50	
335	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	176	8751	8800	50	
336	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	177	8801	8850	50	
337	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	178	8851	8900	50	
338	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	179	8901	8950	50	
339	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	180	8951	9000	50	
340	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	181	9001	9050	50	
341	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	182	9051	9100	50	
342	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	183	9101	9150	50	
343	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	184	9151	9200	50	
344	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	185	9201	9250	50	

345	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	186	9251	9300	50	
346	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	187	9301	9350	50	
347	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	188	9351	9400	50	
348	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	189	9401	9450	50	
349	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	190	9451	9500	50	
350	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	191	9501	9550	50	
351	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	192	9551	9600	50	
352	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	193	9601	9650	50	
353	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	194	9651	9700	50	
354	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	195	9701	9750	50	
355	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	196	9751	9800	50	
356	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	197	9801	9850	50	
357	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	198	9851	9900	50	
358	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	199	9901	9950	50	
359	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	200	9951	10000	50	
360	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	201	10001	10050	50	
361	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	202	10051	10100	50	
362	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	203	10101	10150	50	
363	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	204	10151	10200	50	
364	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	205	10201	10250	50	
365	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	206	10251	10300	50	
366	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	207	10301	10350	50	
367	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	208	10351	10400	50	
368	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	209	10401	10450	50	
369	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	210	10451	10500	50	
370	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	211	10501	10550	50	
371	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	212	10551	10600	50	
372	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	213	10601	10650	50	
373	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	214	10651	10700	50	
374	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	215	10701	10750	50	
375	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	216	10751	10800	50	
376	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	217	10801	10850	50	
377	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	218	10851	10900	50	
378	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	219	10901	10950	50	
379	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	220	10951	11000	50	
380	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	221	11001	11050	50	
381	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	222	11051	11100	50	
382	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	223	11101	11150	50	
383	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	224	11151	11200	50	
384	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	225	11201	11250	50	
385	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	226	11251	11300	50	
386	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	227	11301	11350	50	
387	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	228	11351	11400	50	
388	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	229	11401	11450	50	
389	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	230	11451	11500	50	
390	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	231	11501	11550	50	
391	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	232	11551	11600	50	
392	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	233	11601	11650	50	
393	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	234	11651	11700	50	
394	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	235	11701	11750	50	
395	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	236	11751	11800	50	
396	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	237	11801	11850	50	
397	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	238	11851	11900	50	
398	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	239	11901	11950	50	
399	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	240	11951	12000	50	
400	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	241	12001	12050	50	
401	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	242	12051	12100	50	
402	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	243	12101	12150	50	
403	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	244	12151	12200	50	

404	BL TỒN CỦA CỤC	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí	C29-THA-Btre MS AA/2020	245	12201	12250	50	
Tổng cộng							**20.473**	

Bến Tre, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Người lập biểu	Thủ Kho	Kế toán trưởng	KT.Cục trưởng Phó Cục trưởng
Trần Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thanh Trong	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	Lê Thị Hải Yến